

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/DS-PT
Ngày: 30 - 9 - 2022
“V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất (ranh đất)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TTB, xã, huyện TB, Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TTB, xã TL, huyện TB, Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị T2 (CS), sinh năm 1954 (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H (Bé Tư), sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2019 của nguyên đơn là ông Võ Thanh T1 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông T1 là chủ sử dụng thửa đất số 129, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.475,6m² do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giáp ranh với thửa 129 là thửa đất số 136 và thửa 137 do bà Huỳnh Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất này tọa lạc ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 2019, ông T1 làm hàng rào thì phát sinh tranh chấp ranh đất với bà K. Từ trước đến nay gia đình ông sử dụng đúng với ranh đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, không có lần qua ranh đất của bà K.

Nay ông yêu cầu bà K trả lại phần đất có diện tích là 93,3m², công nhận phần đất tranh chấp diện tích 93,3m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 25, do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Ông tự nguyện bồi thường giá trị cây trồng: Cây ngái 30 đến 60cm giá 200.000 đồng; cây dừa trên 25 năm giá 450.000 đồng. Ông tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng.

Theo đơn phản tố ngày 17/11/2019 của bị đơn là bà Huỳnh Thị K và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà K là bà Huỳnh Thị T2 trình bày:

Bà K là chủ sử dụng thửa đất số 137 diện tích 1059,2m² và thửa 136, diện tích 665,5m², tờ bản đồ số 25 giáp ranh với thửa 129, diện tích 2.475,6m² của ông Võ Thanh T1. Các bên sử dụng đất ổn định từ sau giải phóng cho đến khi có chương trình đo đạc đất theo chương trình đất chính quy (Vlap). Đến tháng 8/ 2019 phát sinh mâu thuẫn, Ủy ban nhân dân xã TL hòa giải thì hai bên thỏa thuận và hòa giải thành là bà K sẽ mé cây và ông T1 phải làm máng xối hứng nước mưa để không gây cản trở việc sử dụng ranh đất của hai bên. Tuy nhiên, ngày 07/9/2019 phía ông T1 đồ đạc chuẩn bị làm hàng rào, nhưng đến sáng ngày 08/9/2019 bà K mới phát hiện và có báo với chính quyền địa phương để ngăn chặn xây dựng hàng rào đã lấn chiếm qua đất của bà K. Bà K và bà T2 sử dụng ổn định phần đất tại hai thửa 136 và 137 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, cũng như theo ranh đất đã có sẵn từ thời ông bà, cha mẹ để lại cho đến nay. Bà K không có lần ranh đất của ông T1, Tòa án xem ông T1 thiếu bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Bà K yêu cầu ông T1 trả lại phần đất lấn chiếm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Huỳnh Thị T2 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà K, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T1, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2021/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170; 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh T1.

- Buộc bà Huỳnh Thị K trả lại ông Võ Thanh T1 phần đất có diện tích là 93,3m². Công nhận phần đất 93,3m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 25, tại các mốc số: 1, 12, 11, 13, 14, 15, 16, 1 thuộc quyền sử dụng đất của ông Võ Thanh T1, đất tọa lạc tại ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

- Về bồi thường giá trị cây trồng trên đất tranh chấp: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thanh T1 bồi thường cho bà K giá trị của một cây ngái đường kính từ 30-60cm có giá 200.000 đồng và một cây dừa trên 25 năm có giá là 450.000 đồng, tổng cộng 650.000 đồng.

2. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị K.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/12/2021 bị đơn bà Huỳnh Thị K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 90/2021/DS-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, công nhận phần ranh đất hiện hữu cho bà K.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Thanh T1 trình bày: Ông yêu cầu bà K trả lại phần đất tranh chấp theo diện tích đo đạc hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà K.

Bà Huỳnh Thị K trình bày: Bà yêu cầu ông T1 trả lại phần đất tranh chấp theo diện tích đo đạc hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Phần đất tranh chấp là của gia đình bà đã có từ đời ông bà để lại, các cây trồng trên đất có hàng chục năm nay, do bên bà sử dụng. Chương trình đo Vlap bà có ký tên đo đạc nhưng kết quả đo đạc không đúng với thực tế, đến khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện bị thiếu đất.

Bà Huỳnh Thị T2 trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của bà K.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K, công nhận diện tích tranh chấp 59,7m² là của ông T1, bà K phải di dời cây trồng để trả quyền sử dụng đất cho ông T1.

Về án phí: Do sửa án nên bà K không phải chịu án phí phúc thẩm; án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 28/12/2021 của bà Huỳnh Thị K còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/6/2022, bà Huỳnh Thị K có văn bản ủy quyền cho ông Lê Văn Tấn tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm; ngày 28/12/2021, bà K có yêu cầu Luật sư Trần Ngọc Tiến tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K tại cấp phúc thẩm. Ngày 20/9/2022, bà K có văn bản chấm dứt ủy quyền cho ông Lê Văn Tấn; ngày 20/9/2022, Công ty luật TNHH MTV Trần Tiến có văn bản thông báo chấm dứt tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị K. Vì vậy, bà K tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Ông Võ Thanh T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 291837, ngày 20/01/2020, thửa 129, tờ bản đồ 25, diện tích 2475,6m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc xã TL, huyện TB, Vĩnh Long.

Bà Huỳnh Thị K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 691268, ngày 30/3/2011, thửa 137, tờ bản đồ 25, diện tích 1059,2m² đất ở và đất trồng cây lâu năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 232556, ngày 30/10/2018, thửa 136, tờ bản đồ 25, diện tích 665,5m² đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp TTB, xã TL, TB, Vĩnh Long.

Tại cấp sơ thẩm các đương sự đều thống nhất là hai bên sử dụng đất ổn định lâu dài từ thời ông bà, cha mẹ để lại cho đến nay, qua các chương trình đất không có phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất và cũng không có khiếu nại về mốc giới ranh đất. Sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chương trình chính quy Vlap cũng không có ai ngăn cản, khiếu nại về việc cấp giấy do sai diện tích hay cấp nhầm, cấp thiếu diện tích so với diện tích đất sử dụng thực tế. Đến năm 2019, khi ông T1 làm hàng rào thì hai bên phát sinh tranh chấp ranh với nhau.

Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 02/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TB thì phần đất tranh chấp là 93,3m². Ngày 26/11/2021, Ủy ban nhân dân huyện TB có văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện TB có ý kiến như sau: Phần đất tranh chấp ranh diện tích 93,3 thuộc thửa 129; sự tăng giảm diện tích đất giữa kết quả khảo sát đo đạc thực tế với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu trên là do nguyên đơn và bị đơn cùng với các chủ giáp cận thông nhất xác định ranh trong khảo sát đo đạc thực tế; trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 137 của bà Huỳnh Thị K đúng theo quy định; trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 136 của bà Huỳnh Thị K và thửa 129 của ông Võ Thanh T1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện TB.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 24/6/2022 bà Huỳnh Thị K có đơn yêu cầu khảo sát, đo đạc lại diện tích đất tranh chấp. Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 29/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có kết quả là: Có 2.400,2m², gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, a, b, c, d, 16, 1 thuộc thửa 129 do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có 60,2m² = (0,5m² + 59,7m²) gồm các mốc 9, 10, e, d, 9 và d, e, m, 15, 16, d tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) với bị đơn bà Huỳnh Thị K. Có 1724,7m² gồm các mốc e, f, h, 13, 14, k, m, e thuộc thửa 136 + 137 do bà Huỳnh Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có 60,2m² = (0,5m² + 59,7m²) gồm các mốc 9, 10, e, d, 9 và d, e, m, 15, 16, d tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) với nguyên đơn ông Võ Thanh T1. Phần đất tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích có 60,2m² = (0,5m² + 59,7m²) gồm các mốc 9, 10, e, d, 9 và d, e, m, 15, 16, d, xác định như sau: có 0,5m², gồm các mốc 9, 10, e, d, 9 thuộc đường (lề lộ); có 59,7m², gồm các mốc d, e, m, 15, 16, d thuộc thửa 129 do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối chiếu thửa 129 của ông T1 có diện tích 2.475,6m² so với đo đạc hiện trạng diện tích của ông T1 là 2.459,9m² (đã trừ 0,5m² lề lộ) thì còn thiếu 15,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu thửa 137 của bà K có diện tích 1.059,2m² và thửa 136 diện tích 665,5m² = 1.724,7m² so với đo đạc hiện trạng diện tích của bà K là 1.784,4m² (đã trừ 0,5m² lề lộ) thì thửa 59,7m². Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp 59,7m² đất cây lâu năm gồm các mốc d, e, m, 15, 16, d thuộc thửa 129 do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Biên bản thẩm định tài sản của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đối với phần đất tranh chấp đã ghi nhận ý kiến của các đương sự là thống nhất phần đất tranh chấp là đất trồng cây lâu năm. Thống nhất trên phần đất tranh chấp có các tài sản và vật kiến trúc như sau: Tài sản của ông Võ Thanh T1 gồm: 01 hàng rào đá + bê tông; 01 cái miếu, 01 đồng hồ nước, 01 phần mái che, nền xi măng, 01 cây dừa trồng khoảng năm 2002. Tài sản của bà Huỳnh Thị K gồm: 06 cây dừa < 50 năm, 02 cây dừa lão, 01 cây me trước năm 1975; 01 cây ngái tự mọc,

01 bụi tre. Các đương sự không yêu cầu định giá tài sản trên đất, nếu Tòa án xử phần đất tranh chấp của ai thì bên có tài sản sẽ tự tháo dỡ, di dời trả lại quyền sử dụng đất cho bên kia. Do phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông T1 nên bà K phải có nghĩa vụ di dời hoặc chặt toàn bộ cây trồng của bà K trên phần đất tranh chấp để trả lại quyền sử dụng đất cho ông T1.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TB, do có thay đổi về diện tích đất tranh chấp và cây trồng trên đất.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tại cấp sơ thẩm là 5.424.000 đồng, ông T1 đã nộp tạm ứng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 chịu một phần chi phí là 2.000.000 đồng; buộc bà K phải nộp số tiền là 3.424.000 đồng, số tiền này ông T1 đã nộp tạm ứng xong nên bà K phải trả cho ông T1.

Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm là 6.951.000 đồng, bà K phải chịu 5.000.000 đồng, ông T1 phải chịu 1.951.000 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, ông T1 đã nộp tạm ứng 1.951.000 đồng, nên bà K và ông T1 không phải nộp nữa.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị K là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị K. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 90/2021/DS-ST, ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh T1:

- Công nhận diện tích 59,7m² đất cây lâu năm gồm các mốc d, e, m, 15, 16, d thuộc thửa 129, tờ bản đồ 25, tọa lạc ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

- Buộc bà Huỳnh Thị K phải trả cho ông Võ Thanh T1 diện tích 59,7m² đất cây lâu năm gồm các mốc d, e, m, 15, 16, d thuộc thửa 129, tờ bản đồ 25, tọa lạc ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, do ông Võ Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long).

- Buộc bà Huỳnh Thị K phải di dời hoặc chặt toàn bộ cây trồng của bà K có trên phần diện tích 59,7m² đất cây lâu năm gồm các mốc d, e, m, 15, 16, d thuộc thửa 129, tờ bản đồ 25, tọa lạc ấp TTB, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long, để trả quyền sử dụng đất cho ông Võ Thanh T1 (bao gồm 06 cây dừa < 50 năm, 02 cây dừa lão, 01 cây me trước năm 1975; 01 cây ngái tự mọc, 01 bụi tre và các cây trồng khác của bà K nếu có trên diện tích 59,7m²).

Đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tại cấp sơ thẩm là 5.424.000 đồng, ông T1 đã nộp tạm ứng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 chịu một phần chi phí là 2.000.000 đồng; buộc bà K phải nộp số tiền là 3.424.000 đồng, số tiền này ông T1 đã nộp tạm ứng xong nên bà K phải trả cho ông T1.

Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm là 6.951.000 đồng, bà K phải chịu 5.000.000 đồng, ông T1 phải chịu 1.951.000 đồng. bà K đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, ông T1 đã nộp tạm ứng 1.951.000 đồng, nên bà K và ông T1 không phải nộp nữa.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị K là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Võ Thanh T1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0012166 ngày 14/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

- Án phí phúc thẩm: Bà K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng

Nguyễn Thị Tư

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện TB: 01;
- THADS huyện TB: 01;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: 06.

Nguyễn Văn Dũng